CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Hồng Hà Việt Nam

Ngày 31/03/2025	6,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	0%	-

DT thuần
Q1/25
0.20
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.01| -3.5%

LN thuần
Q1/25
-0.14
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.29| -194%
YoY: ▼0.02| -17.3%

LN sau thuế
Q1/25
-0.14
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.29| -194%
YoY: ▼0.02| -17.3%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
-69.5%
YoY: +/-▼ 143%

ROE (TTM)
Q1/25
-1.1%
YoY: +/-▼ 0.0%

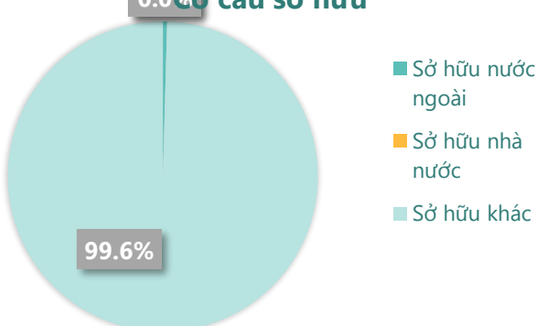
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	1,900 - 8,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	112
Số lượng CPLH (CP)	18,100,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.4%
Beta	
EPS	-134
P/E	-46.1

DT thuần
2024
0.85
tỷ VNĐ
YoY: ▼4.19| -83.2%

LN thuần
2024
-2.40
tỷ VNĐ
YoY: ▼5.45| -179%

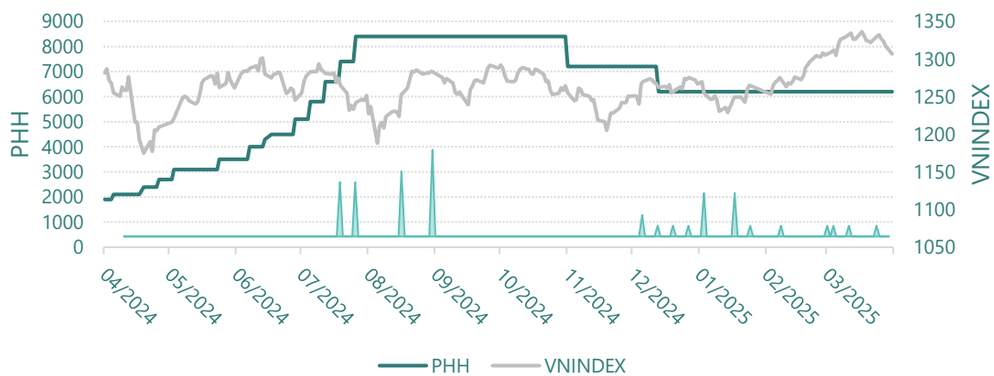
LN sau thuế
2024
-2.40
tỷ VNĐ
YoY: ▼4.71| -204%

Cơ cấu sở hữu

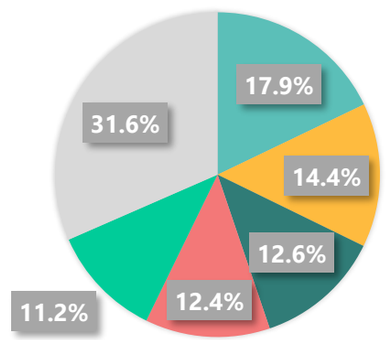


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

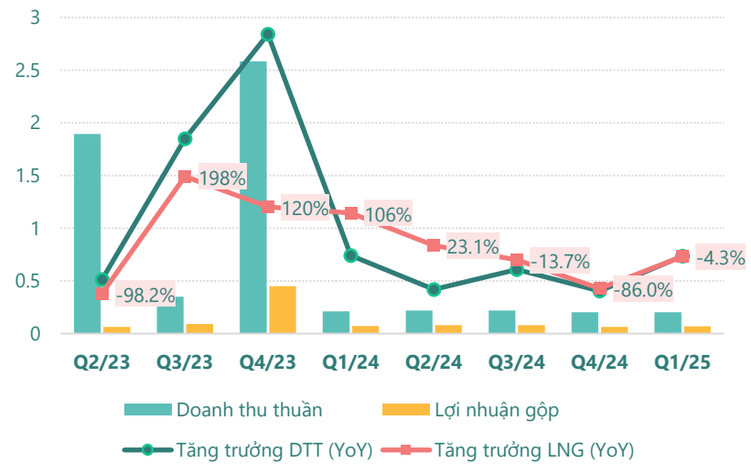


- Nguyễn Thị Huyền Trang (Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Tuấn Anh
- Trương Mỹ Hạnh (Thành viên Ban kiểm soát)
- Nguyễn Thị Thúy Huyền (Tổng giám đốc)
- Phạm Ngọc Dung
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

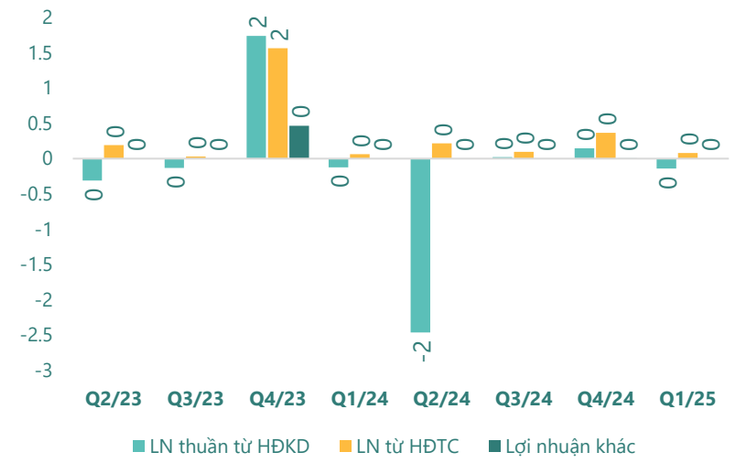
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



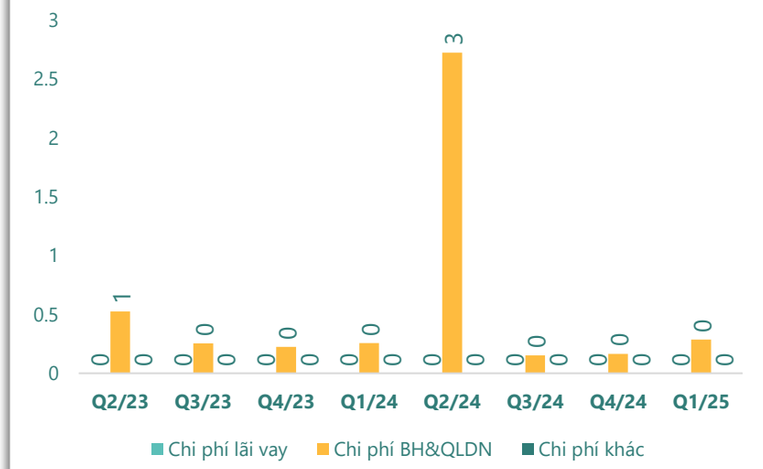
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



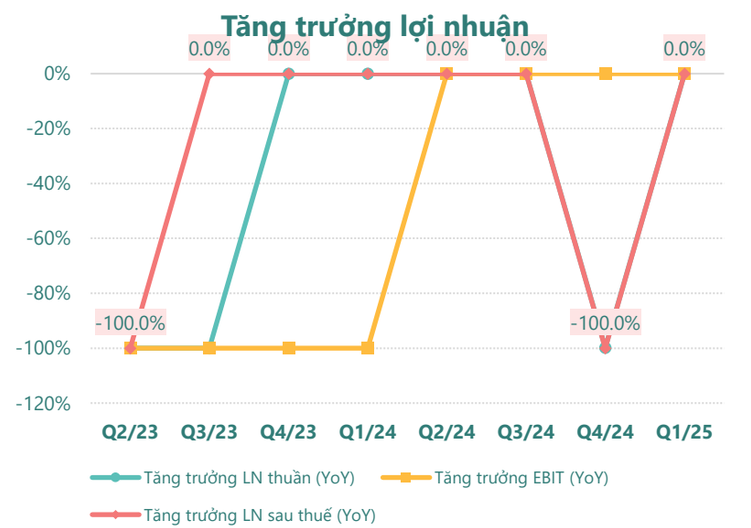
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



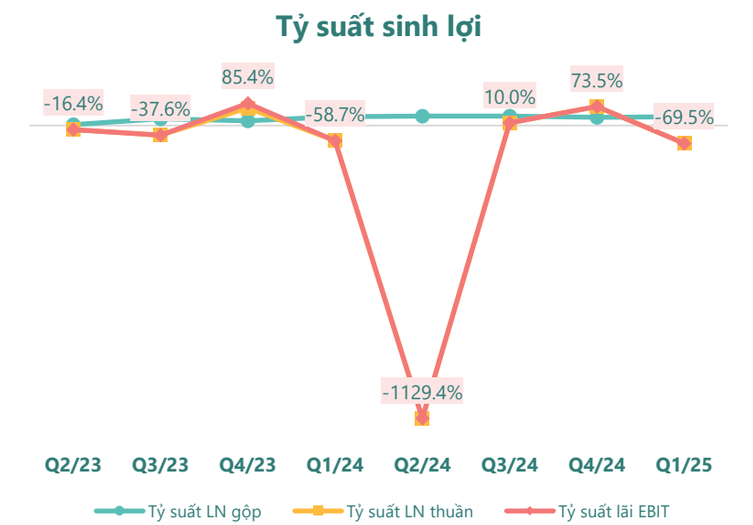
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



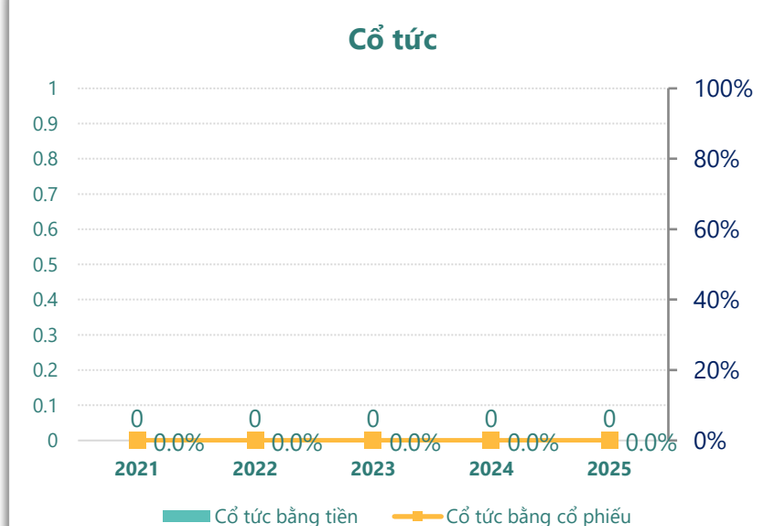
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

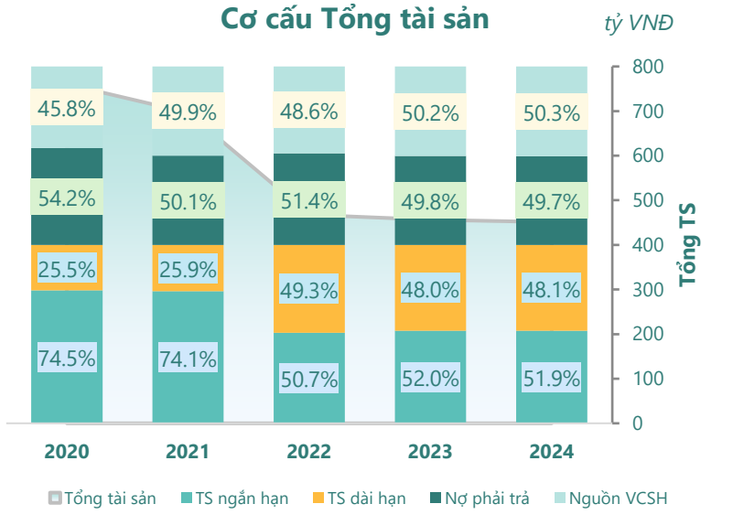
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

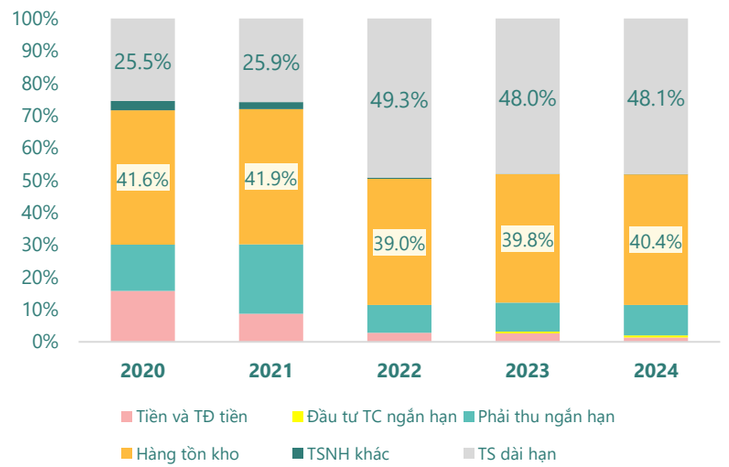
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



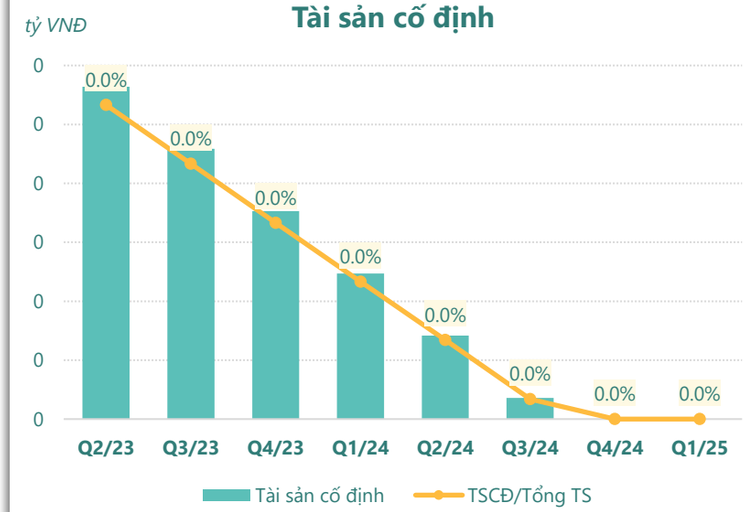
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



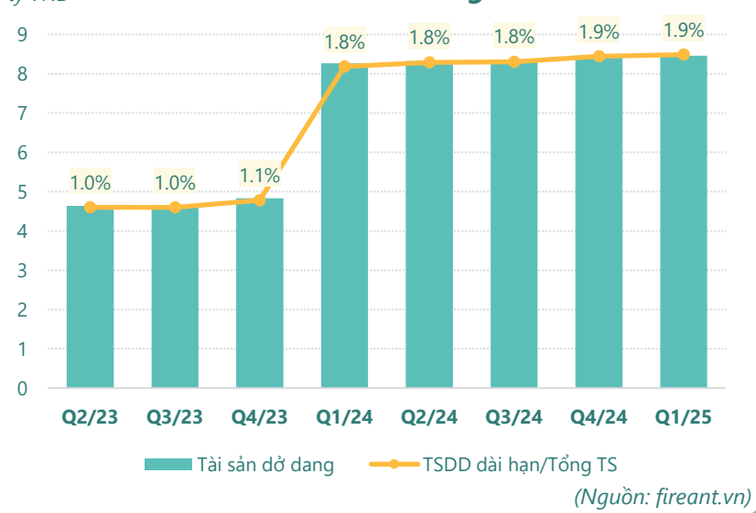
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



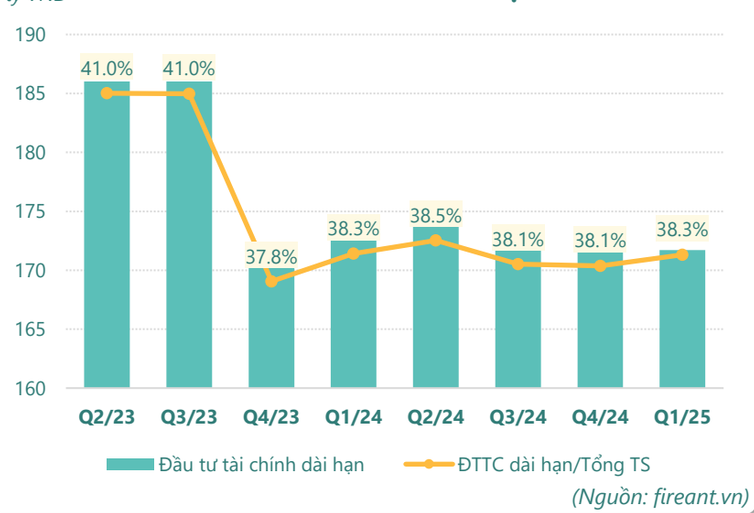
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



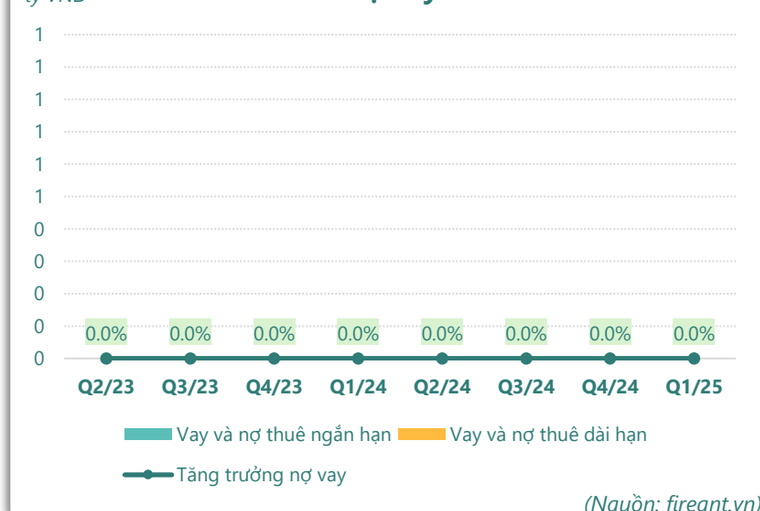
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

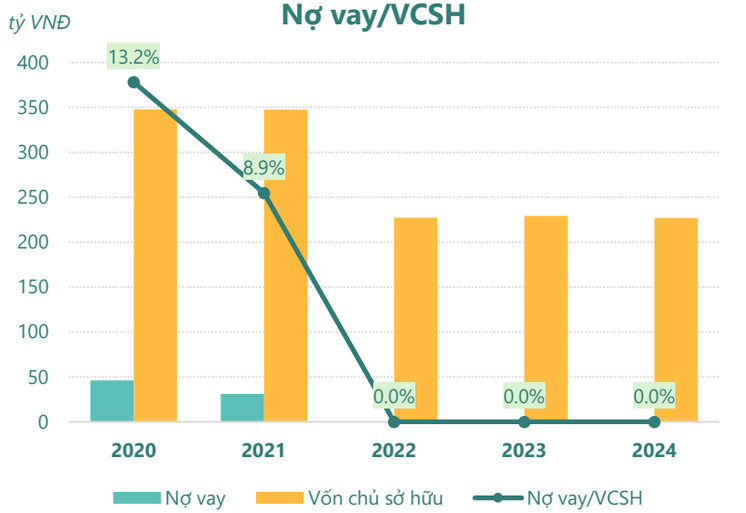
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

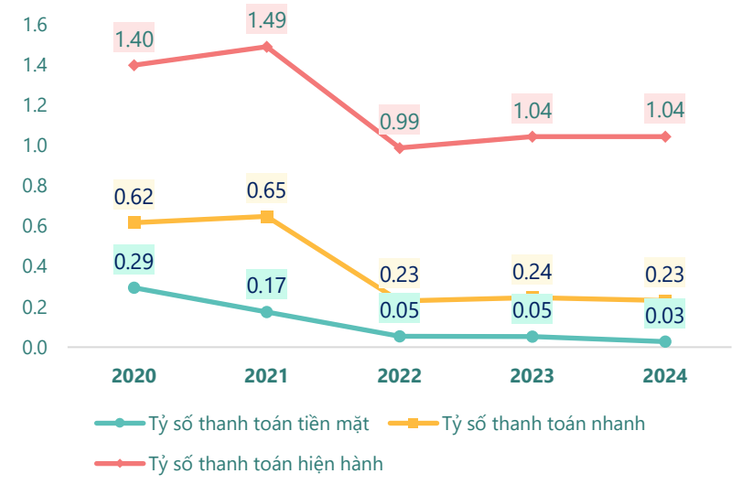
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



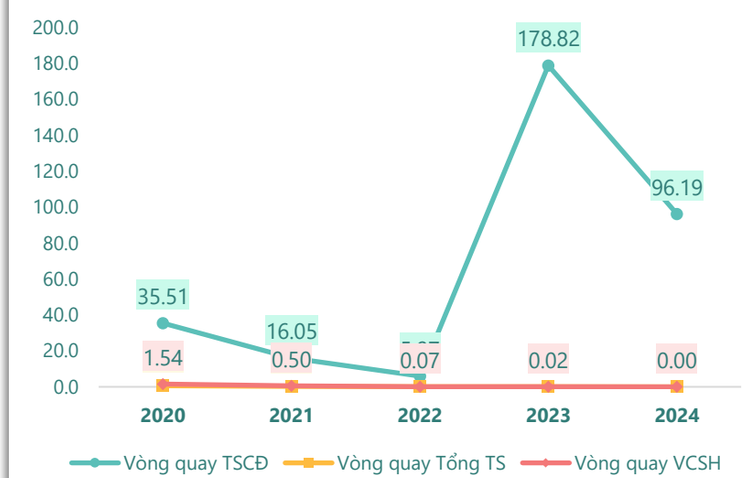
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



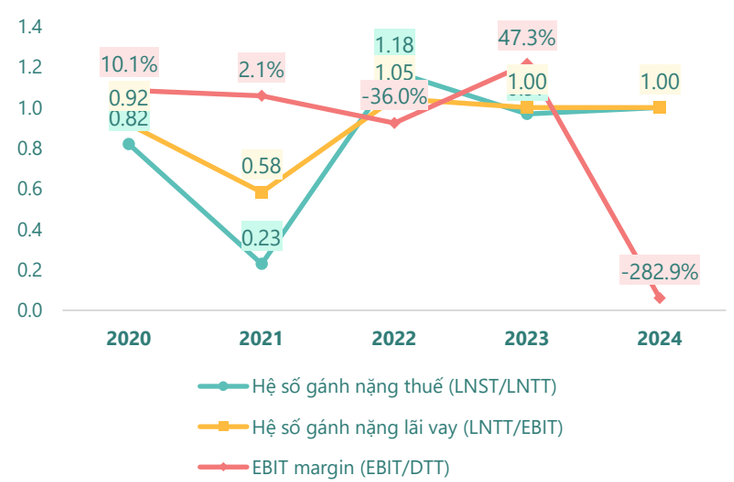
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



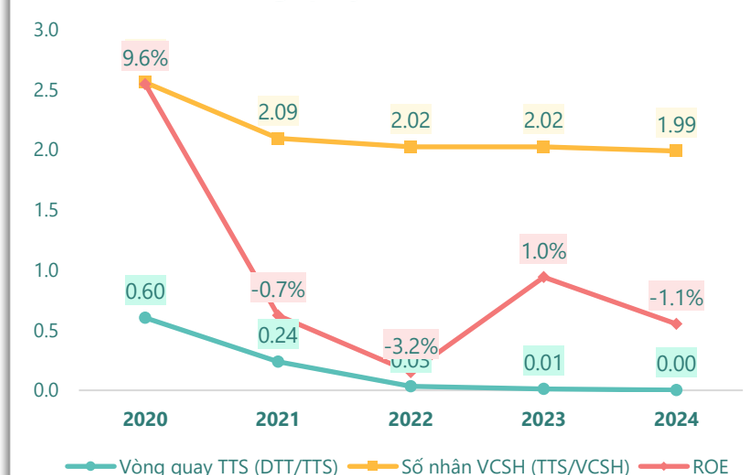
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



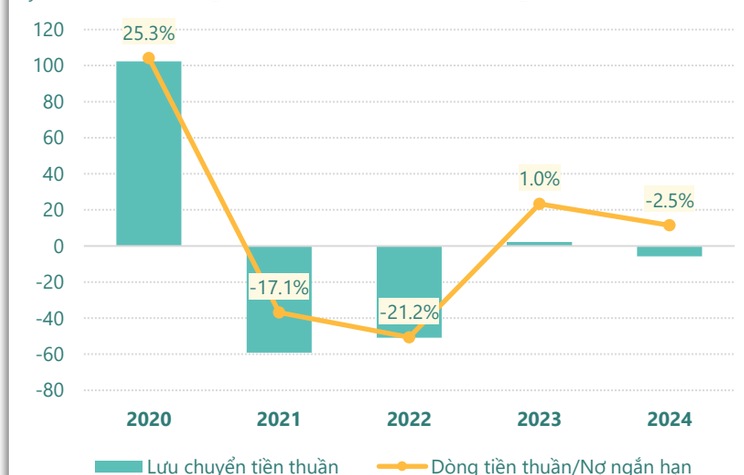
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0.20**	**0.21**	**-3.5%**	**0.85**	**5.04**	**-83.2%**
Giá vốn hàng bán	0.13	0.14	-3.9%	0.56	4.40	-87.4%
Lợi nhuận gộp	0.07	0.07	-2.6%	0.29	0.64	-54.4%
Doanh thu HĐTC	0.08	0.06	30.7%	2.93	4.01	-26.9%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**-2.32**	**0.02**	**-10750%**
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**0.29**	**0.26**	**10.5%**	**3.30**	**1.62**	**104%**
LN thuần từ HĐKD	-0.14	-0.12	-17.3%	-2.40	3.05	-179%
Lợi nhuận khác	**0**	**0.00**		**0.00**	**-0.67**	**100%**
LN trước thuế	-0.14	-0.12	-17.3%	-2.40	2.39	-201%
Lợi nhuận sau thuế	**-0.14**	**-0.12**	**-17.3%**	**-2.40**	**2.31**	**-204%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-0.14**	**-0.12**	**-16.7%**	**-2.40**	**2.32**	**-204%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.47	-2.76	-2.58	-2.76	-0.27	-3.11
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	6.54	-4.94	0.12	2.29	5.23	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	4.81	11.8	4.12	1.66	1.19	6.14
Lưu chuyển tiền thuần	**7.01**	**-7.70**	**-2.46**	**-0.47**	**4.95**	**-3.12**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	11.8	4.12	1.66	1.19	6.14	3.03

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**449**	**451**	**-0.5%**
Tài sản ngắn hạn	232	234	-0.9%
Tiền và tương đương tiền	3.03	6.14	-50.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.69	2.69	0.0%
Phải thu ngắn hạn	43.0	42.5	1.3%
Hàng tồn kho	182	182	0.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0.47	0.45	3.9%
Tài sản dài hạn	**217**	**217**	**0.0%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	4.32	4.34	-0.6%
Tài sản dở dang	8.46	8.46	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	172	172	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**32.6**	**32.6**	**0.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	222	224	-0.9%
Nợ ngắn hạn	**222**	**224**	**-0.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	44.7	46.7	-4.3%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**227**	**227**	**-0.1%**
Vốn chủ sở hữu	**227**	**227**	**-0.1%**
Vốn điều lệ	200	200	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)